TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hường;

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Ngô Văn T** sinh ngày 02 tháng 08 năm 1980

Nơi cư trú: xóm 7, thôn A, xã T1, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số ********** do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/12/2021.

- Bị đơn: chị **Phạm Thị S** sinh ngày 26 tháng 4 năm 1982

Nơi cư trú: Komenského 536/28, 35002 Cheb, Cộng hòa Séc.

Hộ chiếu số N******* do Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại CH Séc cấp ngày 29/07/2019

(anh T, chị S đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Ngô Văn T trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

Anh và chị Phạm Thị S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình vào ngày 01/6/2011. Năm 2012, anh và chị S đã bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi kết hôn, chị S sinh sống tại Cộng hòa Séc còn anh T sinh sống tại Việt Nam, khoảng cách địa lý xa xôi khiến bất đồng giữa hai vợ chồng không hòa giải được. Đến nay anh T xác định vợ chồng đã không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, không thể

tiếp tục hôn nhân, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S. Anh và chị S không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

- Chị Phạm Thị S trình bày: Ngay sau khi kết hôn, chị trở lại Cộng hòa Séc sinh sống cho đến nay, còn anh T vẫn sống tại Việt Nam; chị S và anh T không có thời gian chung sống với nhau và đã cắt dứt mọi liên lạc và quan hệ với nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hôn nhân nên chị đồng ý ly hôn. Chị và anh T không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Phạm Thị S.

+ Về con chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Ngô Văn T, bị đơn là chị Phạm Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh T và chị S.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa anh Ngô Văn T và chị Phạm Thị S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2011, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của anh T và lời khai của chị S đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị S đã kéo dài từ nhiều năm nay do vợ chồng không chung sống với nhau kể từ khi kết hôn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn của anh T và chị S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anhT và chị S ly hôn là phù hợp.

Anh T và chị S đều khai: vợ chồng anh T và chị S không có con chung, không có tài sản chung.

[3] Về án phí: anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử cho anh Ngô Văn T được ly hôn chị Phạm Thị S.

[2] Về con chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Anh Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005576 ngày 03 tháng 02 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh